

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2019/DS-PT
Ngày: 17/7/2019
V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**
Ông **Huỳnh Văn Ngoan**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Quốc Nam** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Minh Hoàng** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2019/DSPT ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”.

Do bản án sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Ngọc L, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: **Lê Thị Hồng T**, sinh năm 1983, là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 04/3/2019 (có mặt).

Địa chỉ: Số 244/2, tổ 8, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bùi Thị Thu H, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Phạm Văn Mười H1, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Phan Ngọc L, sinh năm 1985.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Phan Ngọc L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết (bà và ông H1 là bà con chú bác xa, bà kêu ông H1 là bác) nên bà có cho vợ chồng ông Phạm Văn Mười H1 và bà Bùi Thị Thu Hà tham gia các dây hụi như sau:

+ Dây hụi 1: hụi tháng, loại 5.000.000 đồng, khai ngày 20/10/2013 âm lịch. Hụi gồm 34 phần, vợ chồng ông H1, bà Hà tham gia 01 phần. Ngày 20/3/2014 âm lịch (kỳ hụi thứ 6), ông H1, bà Hà hốt phần hụi này. Ngày 25/3/2014 âm lịch, bà trực tiếp giao hụi cho bà Hà. Sau khi hốt hụi, vợ chồng bà Hà đóng hụi chết cho bà được 27 kỳ từ tháng 4/2014 âm lịch đến tháng 5/2016 âm lịch với số tiền 135.000.000 đồng (5.000.000 đồng/tháng x 1 phần x 27 tháng) thì ngưng không đóng hụi chết nữa cho đến nay. Dây hụi này đã kết thúc vào tháng 7/2016 âm lịch. Hiện tại, vợ chồng bà Hà còn nợ bà 01 kỳ hụi chết vào tháng 7/2016 âm lịch với số tiền 5.000.000 đồng.

+ Dây hụi 2: hụi tháng, loại 5.000.000 đồng, khai ngày 01/8/2015 âm lịch. Hụi gồm 14 phần, vợ chồng ông H1, bà H tham gia chơi 01 phần. Ngày 01/8/2015 âm lịch (kỳ hụi thứ nhất), ông H1 và bà H hốt phần hụi này. Ngày 05/8/2015 âm lịch, bà giao hụi cho ông H1. Sau khi hốt hụi, vợ chồng bà H đóng hụi chết cho bà được 10 kỳ hụi chết từ tháng 9/2015 âm lịch đến tháng 6/2016 âm lịch với số tiền: 5.000.000 đồng/tháng x 1 phần x 10 tháng = 50.000.000 đồng thì ngưng không đóng hụi chết nữa cho đến nay. Hụi này đã mãn vào tháng 9/2016 âm lịch. Hiện tại, vợ chồng bà H còn nợ bà 03 kỳ hụi chết từ tháng 7/2016 âm lịch đến tháng 9/2016 âm lịch với số tiền 5.000.000 đồng/tháng x 03 tháng = 15.000.000 đồng.

+ Dây hụi 3: hụi tháng, loại 5.000.000 đồng, khai ngày 05/6/2015 âm lịch. Hụi gồm 02 dây, mỗi dây gồm 14 phần. Vợ chồng ông H1, bà H tham gia chơi 02 phần, mỗi dây tham gia 01 phần. Ngày 05/6/2015 âm lịch (kỳ hụi thứ nhất), ông H1 và bà H hốt 02 phần hụi này. Ngày 08/6/2015 âm lịch, bà giao hụi cho ông H1, bà H. Sau khi hốt hụi, vợ chồng bà H đóng hụi chết cho bà được 11 kỳ từ tháng 7/2016 âm lịch đến tháng 5/2017 âm lịch với số tiền: 5.000.000 đồng/tháng x 2 phần x 11 tháng = 110.000.000 đồng thì ngưng không đóng hụi chết nữa cho đến nay. Hụi này đã mãn vào tháng 7/2017 âm lịch. Hiện tại, vợ chồng bà H còn nợ bà 02 kỳ hụi chết từ tháng 6/2017 âm lịch đến tháng 7/2017 âm lịch với số tiền 5.000.000 đồng/tháng x 02 phần x 02 tháng = 20.000.000 đồng.

+ Dây hụi 4: hụi tháng, loại 5.000.000 đồng, khai ngày 05/9/2015 âm lịch. Hụi gồm 03 dây, mỗi dây gồm 14 phần, vợ chồng ông H1, bà H tham gia chơi 03 phần, mỗi dây hụi tham gia chơi 01 phần. Ngày 05/9/2015 âm lịch (kỳ hụi thứ nhất), ông H1 và bà H hốt 03 phần hụi này. Ngày 07/9/2015 âm lịch, bà giao hụi trực tiếp cho bà H. Sau khi hốt hụi, vợ chồng bà H đóng hụi chết cho bà được 08 kỳ từ tháng 10/2015 âm lịch đến tháng 5/2016 âm lịch với số tiền: $5.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 3 \text{ phần} \times 8 \text{ tháng} = 120.000.000 \text{ đồng}$ thì ngưng không đóng hụi chết nữa cho đến nay. Hụi này đã mãn vào tháng 10/2016 âm lịch. Hiện tại, vợ chồng bà H còn nợ bà 05 kỳ hụi chết từ tháng 6/2016 âm lịch đến tháng 10/2016 âm lịch với số tiền $5.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 03 \text{ phần} \times 05 \text{ tháng} = 75.000.000 \text{ đồng}$.

+ Dây hụi 5: hụi tháng, loại 5.000.000 đồng, khai ngày 05/9/2015 âm lịch. Hụi gồm 14 phần, vợ chồng ông H1, bà H tham gia chơi 02 phần. Ngày 05/9/2015 âm lịch (kỳ hụi thứ nhất), ông H1 và bà H hốt 02 phần hụi này. Ngày 14/9/2015 âm lịch, bà giao tiền hụi trực tiếp cho bà H. Sau khi hốt hụi, vợ chồng bà H đóng hụi chết cho bà được 08 kỳ từ tháng 10/2015 âm lịch đến tháng 5/2016 âm lịch với số tiền: $5.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 2 \text{ phần} \times 8 \text{ tháng} = 80.000.000 \text{ đồng}$ thì ngưng không đóng hụi chết nữa cho đến nay. Hụi này đã mãn vào tháng 10/2016 âm lịch. Hiện tại, vợ chồng bà H còn nợ bà 05 kỳ hụi chết từ tháng 6/2016 âm lịch đến tháng 10/2016 âm lịch với số tiền $5.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 02 \text{ phần} \times 05 \text{ tháng} = 50.000.000 \text{ đồng}$.

+ Dây hụi 6: hụi tháng, loại 5.000.000 đồng, khai ngày 15/11/2015 âm lịch. Hụi gồm 03 dây, mỗi dây gồm 14 phần. Vợ chồng ông H1, bà H tham gia chơi 03 phần, mỗi dây tham gia 01 phần. Ngày 15/11/2015 âm lịch (kỳ hụi thứ nhất), ông H1 và bà H hốt 03 phần hụi này. Cùng ngày 15/11/2015 âm lịch, bà giao tiền hụi trực tiếp cho bà H. Sau khi hốt hụi, vợ chồng bà H đóng hụi chết cho bà được 06 kỳ từ tháng 12/2015 âm lịch đến tháng 5/2016 âm lịch với số tiền: $5.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 3 \text{ phần} \times 6 \text{ tháng} = 90.000.000 \text{ đồng}$ thì ngưng không đóng hụi chết nữa cho đến nay. Hụi này đã mãn vào tháng 12/2016 âm lịch. Hiện tại, vợ chồng bà H còn nợ bà 07 kỳ hụi chết từ tháng 6/2016 âm lịch đến tháng 12/2016 âm lịch với số tiền $5.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 03 \text{ phần} \times 07 \text{ tháng} = 105.000.000 \text{ đồng}$.

+ Dây hụi 7: hụi tháng, loại 5.000.000 đồng, khai ngày 25/02/2016 âm lịch. Hụi gồm 14 phần. Bà tham gia chơi 01 phần. Ông H1, bà H mượn phần hụi này nên bà đã hốt hụi vào tháng 5/2016 (kỳ hụi thứ 4). Bà giao hụi cho ông H1, bà H vào ngày 29/5/2016 âm lịch. Sau khi hốt hụi, vợ chồng bà H không đóng hụi chết cho bà. Hụi này đã mãn vào tháng 3/2017 âm lịch. Hiện tại, vợ chồng bà

H còn nợ bà 10 kỳ hụi chết từ tháng 6/2016 âm lịch đến tháng 3/2017 âm lịch với số tiền 5.000.000 đồng/tháng x 01 phần x 10 tháng = 50.000.000 đồng.

+ Dây hụi 8: hụi tháng, loại 5.000.000 đồng, khai ngày 25/01/2016 âm lịch. Hụi gồm 03 dây, mỗi dây gồm 14 phần. Vợ chồng ông H1, bà H tham gia chơi 03 phần, mỗi dây tham gia chơi 01 phần. Ngày 25/01/2016 âm lịch (kỳ hụi thứ nhất), ông H1 và bà H hốt 03 phần hụi này. Ngày 30/01/2016 âm lịch, bà giao tiền hụi trực tiếp cho bà H. Sau khi hốt hụi, vợ chồng bà H đóng hụi chết cho bà 04 kỳ từ tháng 02/2016 âm lịch đến tháng 5/2016 âm lịch với số tiền: 5.000.000 đồng/tháng x 3 phần x 4 tháng = 60.000.000 đồng thì ngưng không đóng hụi chết nữa cho đến nay. Hụi này đã mãn vào tháng 02/2017 âm lịch. Hiện tại, vợ chồng bà H còn nợ bà 09 kỳ hụi chết từ tháng 6/2016 âm lịch đến tháng 02/2017 âm lịch với số tiền 5.000.000 đồng/tháng x 03 phần x 9 tháng = 135.000.000 đồng.

Trong 08 dây hụi trên, hụi sống đóng từ 4.000.000 đồng đến 4.300.000 đồng nhưng bà không nhớ chính xác số tiền hốt hụi giao cho bà H mỗi dây là bao nhiêu. Tuy nhiên, khi giao hụi, hai bên có làm biên nhận do bà H ký tên và ghi họ tên chỗ “Thảo viên”. Tổng cộng, vợ chồng ông H1, bà Hà còn nợ bà số tiền hụi là 455.000.000 đồng. Ông H1, bà Hà đã trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 10/7/2016 và 10.000.000 đồng vào ngày 14/7/2016 nên ông bà còn nợ lại số tiền 435.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Phạm Văn Mười H1, bà Bùi Thị Thu Hà phải liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là 435.000.000 đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại nội dung Biên bản hòa giải ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo (Bút lục 67, 68) bị đơn ông Phạm Văn Mười H1 trình bày:

Ông và bà Bùi Thị Thu Hà là vợ chồng, bà Phan Ngọc L là bà con chú bác với ông (bà L gọi ông là bác). Đối với 8 dây hụi mà bà L trình bày ông hoàn toàn không biết và cũng không tham gia các dây hụi này của bà L. Các chứng cứ là giấy tham gia hụi, biên nhận mà bà L giao nộp cho Tòa án là chữ ký và chữ viết họ tên của vợ ông bà Bùi Thị Thu Hà nhưng do bà L lợi dụng lúc vợ ông bà Hà bị bệnh tinh thần không ổn định nên ký tên vào các giấy tham gia hụi chứ thực tế số tiền hụi còn nợ bà L không đến con số 435.000.000 đồng mà chỉ vào khoảng 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng. Nay ông không đồng ý trả 435.000.000 đồng theo yêu cầu của bà L, chỉ đồng ý trả khoản nợ thừa nhận khoảng 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 474, Điều 479, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc L. Buộc bà Bùi Thị Thu Hà có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 435.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng), trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi Hnh án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 04/3/2019, nguyên đơn Phan Ngọc L có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét: Buộc ông Phạm Văn Mười H1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Bùi Thị Thu H trả cho bà số tiền 435.000.000 đồng, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn Phan Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc chấp Hnh pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bà H chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định.

Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết đúng pháp luật, có căn cứ nhưng không buộc ông Phạm Văn Mười H1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà L là có thiếu sót. Bà H tham gia chơi hụi nhiều năm nhưng anh H1 cho rằng không biết là không có cơ sở. Ông H1 trình bày mâu thuẫn về thu nhập của vợ chồng nên có cơ sở xác định số tiền chơi hụi được sử dụng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình. Từ phân tích trên, xét kháng cáo của bà L là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Phan Thị L nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Giao dịch góp hụi giữa bà L và bà H xác lập ngày trước ngày 01/01/2017, ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực và giao dịch này đang được thực hiện nhưng có nội dung về lãi suất khác với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết (theo điểm a Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015). Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thuộc phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự 2005 và Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo của bà Phan Thị L: Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bà L cho rằng hai vợ chồng bà H đều tham gia giao dịch hụi, bà H có sử dụng số tiền hụi vào nhu cầu thiết yếu của gia đình nên đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng, buộc ông Mười H1 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ. Xét thấy, kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở. Bởi lẽ, mặc dù ông H1 không thừa nhận có tham gia các giao dịch hụi với bà L nhưng theo lời khai của một số người làm chứng là thành viên trong các dây hụi do bà L làm đầu thảo xác định, ông H1, bà H có tham gia chơi hụi do chị L làm chủ nhưng không rõ tham gia bao nhiêu phần (lời khai của ông Lê Hồng Phương, Phan Văn Chín – Bút lục 89, 90, 92, 93). Một số nhân chứng khác không rõ ông H1, bà H ai là người trực tiếp tham gia chơi hụi (lời khai của ông Nguyễn Thành Trung, Phạm Văn Phúc – Bút lục 86, 87, 95, 96). Tuy nhiên, ông H1 xác định có biết vợ tham gia chơi hụi của bà L nhưng số nợ hụi còn khoảng 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng. Nhận thấy, ông H1 và bà H là vợ chồng, cùng chung sống vào thời điểm giao dịch hụi. Đồng thời, giao dịch hụi với bà L kéo dài trong nhiều năm với số tiền hụi khá lớn. Ông H1 không chứng minh được số tiền hụi sử dụng vào nhu cầu riêng của bà H. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông H1 xác định vợ ông còn nợ bà L 70.000.000 đồng, vì tình nghĩa vợ chồng nên ông đồng ý liên đới cùng vợ trả số tiền này, không đồng ý liên đới trả số tiền 435.000.000 đồng (bút lục 146-147). Như phân tích trên, phía ông H1, bà H

không chứng minh được số tiền nợ hui còn lại là 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng. Bà H cũng không kháng cáo về số tiền hui phải trả cho bà L. Do đó, cần buộc ông H1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hui 435.000.000 đồng cho bà L theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ phân tích trên, kháng cáo của bà L là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà L được chấp nhận nên căn cứ Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, bà không phải chịu án phí phúc thẩm. Do yêu cầu cầu nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông H1, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[6] Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Các bên không thỏa thuận nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015, buộc bà H, ông H1 trả lãi suất chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nếu bà vi phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử: Chấp nhận kháng cáo của bà Phan Ngọc L.

1. Sửa bản án sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc L.

Buộc bà Bùi Thị Thu Hà, ông Phạm Văn Mười H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền 435.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án, nếu bên phải thi Hnh án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì Hng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi Hnh án.

2. Về án phí: Hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0015750 ngày 01/3/2019 và 10.700.000 đồng theo biên lai số 35891 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện C.

Bà Bùi Thị Thu H, ông Phạm Văn Mười H1 phải chịu 21.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo qui định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 8 giờ 30 ngày 17/ 7 / 2019 có mặt bà T, ông H1, vắng mặt bà H và đại diện Viện kiểm sát.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ánh Phương

